**PHÂN TÍCH KHOẢN MỤC CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP -GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ SẢN XUẤT NHẰM HẠ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM**

**Ths. Ngô Thị Kiều Trang**

Nâng cao hiệu quả kinh doanh luôn là mục tiêu cho mọi công ty, hiệu quả kinh doanh của công ty càng được nâng cao thì công ty càng phát triển. Để thực hiện được điều này thì quản trị tốt chi phí là vấn đề mà các doanh nghiệp cần quan tâm. Đối với doanh nghiệp, chi phí liên quan đến các yếu tố đầu vào luôn được chú trọng đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu, đây được xem là chi phí cốt lõi của Doanh nghiệp. Trọng tâm của bài viết nhằm xem xét xem xét đến các đặc trưng của nguyên vật liệu, các yếu tố cấu thành của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, và phân tích sự ảnh hưởng của các yếu tố cấu thành nên chi phí nguyên vật liệu trực tiếp nhằm giúp doanh nghiệp nâng cao công tác quản trị chi phí, góp phần hạ thấp giá thành và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Từ khóa: chi phí nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, hiệu quả kinh doanh.

**1. Đặt vấn đề**

Trong quá trình sản xuất sản phẩm,doanh nghiệp thường phải bỏ ra những chi phí về các loại đối tượng lao động, tư liệu lao động và sức lao động của con người. Đây là các yếu tố cơ bản để tiến hành các hoạt động sản xuất, song sự tham gia của mỗi yếu tố này là khác nhau dẫn đến sự hình thành những chi phí tương ứng như : chi phí nguyên liệu,vật liệu (gọi là hao phí về lao động vật hoá), chi phí nhân công (chi phí về lao động sống), chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền… những chi phí này được gọi là chi phí sản xuất. Như vậy, có thể hiểu chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa, và các chi phí bằng tiền khác mà doanh nghiệp đã chi ra để tiến hành sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện cung cấp lao vụ, dịch vụ trong một kỳ nhất định. T**rong doanh nghiệp sản xuất, chi phí là yếu tố quan trọng,** trong đó nguyên vật liệu trực tiếp (NVLTT) là yếu tố đáng chú ý nhất vì nguyên vật liệu là yếu tố trực tiếp cấu thành nên thực thể sản phẩm, do đó việc cung cấp nguyên vật liệu đầy đủ kịp thời sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp. Doanh nghiệp sẽ không thể tiến hành sản xuất được nếu như không có nguyên vật liệu. Nhưng khi đã có nguyên vật liệu rồi thì sản xuất có thuận lợi hay không lại phụ thuộc chất lượng nguyên vật liệu. Ngoài ra, việc tuân thủ các biện pháp kỹ thuật trong việc tạo ra sản phẩm cần phải hết sức chú ý đến chất lượng sản phẩm. Đó là yêu cầu quan trọng mà các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải quan tâm trong nền kinh tế thị trường. Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí để tạo ra sản phẩm, cho nên việc kiểm tra chi phí nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng tác động tới giá thành của sản phẩm và chất lượng sản phẩm, giá thành sản phẩm là mối quan tâm hàng đầu của doanh nghiệp sản xuất.

**2. Các yếu tố cấu thành nên chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là những chi phí phát sinh có liên quan tới nguyên vật liệu, nhiên liệu được sử dụng để trực tiếp sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện lao vụ, dịch vụ.

Khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu…sử dụng vào mục đích trực tiếp sản xuất sản phẩm. NVLTT chủ yếu chế tạo sản phẩm, cấu thành nên sản phẩm khi tham gia vào quá trình sản xuất và nó thay đổi hình thái vật chất ban đầu(Không tính vào khoản mục này những chi phí NVL sử dụng vào mục đích chung). Khoản mục chi phí NVLTT thường chiếm tỉ trọng lớn trong sản phẩm sản xuất của doanh nghiệp. Trong thực tế, để sản xuất sản phẩm, cần rất nhiều NVL khác nhau và các loại này hình thành nên khoản mục chi phí NVLTT.

Khoản mục chi phí NVLTT, thường gắn liền với yếu tố về lượng NVL, vật liệu dùng cho mỗi sản phẩm, và biến động về đơn giá NVL. Ngoài ra, các khoản phế liệu cũng là nhân tố dẫn đến sự biến động đối với khoản mục này.

Chi phí NVL trực tiếp cho một loại sản phẩm thường được xây dựng như sau:

*Trong đó:*

Cv: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

q1: Sản lượng thực tế của sản phẩm cần phân tích

mi: Mức tiêu hao vật liệu i để sản xuất 1 sản phẩm

pi: Đơn giá vật liệu i

F: Phế liệu thu hồi.

n: Số loại vật liệu sử dụng để sản xuất sản phẩm nói trên.

* **Nhân tố sản lượng sản phẩm sản xuất**

Việc cung ứng, dự trữ và sử dụng NVL có mối liên hệ chặt chẽ với kết quả sản xuất. Mối quan hệ này được biểu hiện qua công thức:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối lượng SP sản xuất | = | Khối lượng NVL tồn kho đầu kỳ | + | Khối lượng NVL nhập kho trong kỳ | - | Khối lượng NVL dự trữ cuối kỳ |
| Mức tiêu hao NVL cho SX đơn vị SP |

* **Nhân tố mức tiêu hao chi phí nguyên vật liệu trên đơn vị sản phẩm**

Yêu cầu đầu tiên với cung ứng NVL cho sản xuất là phải đảm bảo đủ về số lượng. Nghĩa là, nếu cung cấp với số lượng quá lớn, dư thừa sẽ gây ra ứ đọng vốn (nếu không phải là loại NVL có tính chất thời vụ) và do đó, sẽ dẫn đến việc sử dụng vốn kém hiệu quả. Nhưng ngược lại nếu cung cấp không đủ về số lượng sẽ ảnh hưởng đến tính liên tục của quá trình sản xuất kinh doanh (SXKD). Trên thực tế cho thấy các doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh phần lớn là do thiếu vật liệu.

Trong qui trình công nghệ sản xuất sản phẩm, sử dụng NVL đảm bảo đủ tiêu chuẩn chất lượng là một yếu tố cần thiết.

Bởi vậy, NVL tốt hay xấu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm, đến năng suất lao động và ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Do đó, khi nhập NVL phải đối chiếu với các tiêu chuẩn qui định, đối chiếu với các hợp đồng đã ký để đánh giá NVL đã đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng hay chưa.

Cung ứng NVL kịp thời là cung cấp đúng thời gian đặt ra của DN. Thông thường thời gian cung ứng NVL xuất phát từ nhiệm vụ SXKD, tình hình dự trữ cần cung ứng những loại NVL cần thiết một cách kịp thời trong cả thời gian dài(tháng, quí, năm)

Trong nhiều trường hợp, nếu xét về mặt khối lượng cung ứng một loại vật tư nào đó trong một kỳ kinh doanh thì DN vẫn đảm bảo, nhưng do việc cung ứng không kịp thời đã dẫn đến SXKD của DN bị ngưng trệ và chờ đợi vật tư. Khả năng đảm bảo tối đa cho sản xuất sản phẩm là loại vật tư có thời gian đảm bảo sớm nhất.

* **Nhân tố đơn giá vật liệu nhập kho**

Trong các doanh nghiệp sản xuất, vật liệu được nhập từ nhiều nguồn khác nhau nên giá thực tế của chúng cũng khác nhau. Về nguyên tắc, giá vật liệu nhập kho được xác định theo giá thực tế bao gồm toàn bộ chi phí hình thành vật liệu đó cho đến lúc nhập kho. Tuỳ theo từng nguồn nhập mà giá thực tế của vật liệu được xác định cụ thể như sau :

- Đối với nguyên vật liệu mua ngoài:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giá thực tế của NVL nhập kho | = | Giá mua ghi trên hóa đơn | + | Các khoản thuế không được khấu trừ | + | Chi phí thu mua | - | Các khoản giảm trừ: Giảm giá hàng mua, chiết khấu thương mại khi mua hàng (Nếu có) |

Trong đó giá thực tế của NVL nhập kho là giá chưa tính thuế giá trị gia tăng nếu doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp khấu trừ. Nếu doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp trực tiếp thì giá thực tế NVL nhập kho là giá đã tính thuế giá trị gia tăng.

* Đối với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công chế biến:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho | = | Giá thực tế nguyên vật liệu xuất gia công chế biến | + Chi phí có liên quan(Chi phí chế biến) |

 - Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến :

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho | = | Giá thực tế nguyên vật liệu xuất chế biến  | + |  Chi phí có liên quan(chi phí vận chuyển đi và về; chi phí gia công chế biến) |

- Đối với nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh hoặc cổ phần:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho | = | Giá do các bên tham gia xác định | + Chi phí tiếp nhận(nếu có) |

- Đối với nguyên vật liệu do nhà nước cấp hoặc cấp trên cấp hoặc được tặng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho | = | Giá thị trường tương đương(hoặc giá NVL ghi trên biên bản bàn giao) | + Chi phí tiếp nhận(nếu có) |

**Giá thực tế xuất kho:**

Vật liệu trong doanh nghiệp được thu mua nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, do vậy giá thực tế của từng đợt nhập kho cũng không hoàn toàn giống nhau. Nên khi xuất kho kế toán phải tính toán chính xác, xác định được giá thực tế xuất kho cho từng đối tượng sử dụng theo phương pháp tính giá thực tế xuất kho đã đăng ký áp dụng cho cả niên độ kế toán: Phương pháp thực tế đích danh, phương pháp nhập trước xuất trước, phương pháp giá bình quân.

**Nhân tố phế liệu thu hồi**

Phế liệu thu hồi là những vật liệu bị loại ra từ quá trình sản xuất hoặc tiêu dùng. Bất kỳ một doanh nghiệp trong quá trình sản xuất sẽ thải ra một lượng phế liệu dù lớn hay nhỏ. Chính vì vậy, phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất là điều tất yếu và bắt buộc phải có tại các doanh nghiệp sản xuất. Nó tùy thuộc vào trình độ quản lý cũng như đặc thù của sản phẩm mà doanh nghiệp đó kinh doanh.

**3. Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp nhằm hạ giá thành sản phẩm.**

Để tăng cường công tác quản lý chi phí nguyên vật liệu trực tiếp yêu cầu đặt ra là nhà quản lý phải nắm bắt được sự tác động của từng nhân tố. Mặt khác, doanh nghiệp cần phải có những biện pháp xác thực, xây dựng và lựa chọn các phương án tối ưu nhằm khai thác tối đa năng lực sản xuất hiện có của mình, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, không ngừng nâng cao tổng mức lợi nhuận cho doanh nghiệp. Để có thể huy động mọi khả năng tìm tàng vào sản xuất kinh doanh và đưa ra giải pháp để nâng cao công tác quản lý chi phí NVL trực tiếp tại đơn vị.

Ngày nay, khi tiến bộ khoa học kỹ thuật đã phát triển nhanh chóng, năng suất lao động được tăng lên không ngừng dẫn đến sự thay đôỉ cơ cấu chi phí trong giá thành sản phẩm. Đó chính là tỷ trọng hao phí lao động vật hoá ngày càng tăng lên. Vì vậy, việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khoản mục chi phí NVL, tìm mọi biện pháp giảm bớt chi phí NVL trong giá thành sản phẩm hàng hoá có ý nghĩa rất lớn, làm tăng mức lợi nhuận cho các DN.

Quy trình phân tích thông thường được diễn ra:

* **Xác định phương pháp phân tích áp dụng:**
* Áp dụng phương pháp so sánh để đánh giá chung mức biến động giữa kì phân tích(1) với kỳ gốc(k/0).
* Áp dụng phương pháp thay thế liên hoàn để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến khoản mục chi phí NVL.
* **Xác định Đối tượng phân tích:** Xác định chênh lệch giữa chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và giữa ký phân tích so với kỳ gốc:
* **Xác định ảnh hưởng của các nhân tố :**

**- Nhân tố khối lượng(q) sản phẩm sản xuất:**

Nhân tố này tùy thuộc vào nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tùy thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nên về mặt chi phí NVLTT, vì đưa về cùng một qui mô nên nhân tố khối lượng không ảnh hưởng.

**- Ảnh hưởng của nhân tố mức hao phí vật liệu()**

Lượng vật liệu thay đổi thường do các phương pháp chế biến thay đổi, do chất lượng sản phẩm thay đổi, do quy cách vật liệu không đảm bảo, do kết cấu và thiết kế sản phẩm thay đổi, hoặc do công tác quản lý và sử dụng vật liệu.

Nhân tố này giảm, chứng tỏ trình độ sử dụng NVL để sản xuất đơn vị sản phẩm hàng hoá càng tiết kiệm. Còn nhân tố này càng tăng lên, điều này sẽ đánh giá ngược lại.

Trong đó:





 **- Ảnh hưởng của nhân tố đơn giá NVL (****)**

Đơn giá của từng loại NVL: nhân tố này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như:

 Giá NVL: đây là nhân tố khách quan, bởi vì giá cả là do quan hệ cung cầu trên thị trường quyết định. Nếu cung lớn hơn cầu thì giá rẻ hơn, còn nếu cung nhỏ hơn cầu thì giá đắt hơn.

 Tổ chức quá trình mua NVL: giá cả là nhân tố khách quan, song tổ chức quá trình thu mua hợp lý, chẳng hạn: DN tìm ra thị trường mà ở đó NVL có quan hệ cung lớn hơn cầu ắt DN sẽ mua được NVL với giá rẻ hơn. Mặt khác, DN cần phải nghiên cứu phương thức thu mua, thanh toán, vận chuyển, bốc xếp phù hợp với chi phí là thấp nhất. Do đó, đơn giá của từng loại NVL cho SX đơn vị SP hàng hoá là thấp nhất. Đồng thời DN cần phải chú ý đến cả chất lượng NVL được cung ứng. Có như vậy mới đảm bảo chất lượng SP sản xuất ra đạt tiêu chuẩn chất lượng cao.

= 

**- Ảnh hưởng của nhân tố phế liệu thu hồi( )**

Tổ chức thu hồi phế liệu tốt để tiếp tục chế biến trở lại sản xuất sẽ làm giảm yếu tố chi phí NVL trong giá thành sản phẩm.

 = -()

Trong đó:



**-Tổng hợp mức độ ảnh hưởng của các nhân tố, đánh giá và rút ra kiến nghị cho nhà quản lý DN**.

Tổng mức độ ảnh hưởng của các nhân tố để xem xét sự tác động của các nhân tố đến chi phí NVLTT. Kết quả này phải bằng đối tượng phân tích ở bước trên.

= + + 

Có tài liệu tại một doanh nghiệp sản xuất sử dụng 2 loại vật liệu A và B để sản xuất một loại sản phẩm, tài liệu về hao phí cho ở bảng sau:

 **Tài liệu về hao phí vật liệu:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vật liệu** | **Kế hoạch** | **Thực tế** |
| **Lượng(kg/SP)** | **Giá(ngđ/SP)** | **Lượng(kg/SP)** | **Giá(ngđ/SP)** |
| **A** | 5 | 2 | 5,1 | 1,8 |
| **B** | 4 | 3 | 3,8 | 3,2 |

 - Sản lượng kế hoạch là 800sp

 - Sản lượng thực tế là 1.000sp

 - Phế liệu thu hồi dự kiến từ SX là 400.000đ

 - Phế liệu thu hồi thực tế từ SX là 600.000đ

**Qua tài liệu trên, với việc vận dụng phương pháp phân tích, ta cho ra kết quả tương ứng:**

Do giá trị phế liệu thu hồi ở kỳ kế hoạch ứng với mức sản xuất kế hoạch nên cần điều chỉnh theo sản lượng thực tế.

 Giá trị phế liệu thu hồi kế hoạch ứng theo sản lượng thực tế(1.000sp)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Fk x | q1 | = 400.000 | 1.000 | = 500.000đồng |
| qk | 800 |

 Bảng tổng hợp số liệu của các chỉ tiêu phân tích:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Vật liệu | Tổng CP NVLTT tính theo SLTT | Chênh lệch |
| q1mkpk | q1m1pk | q1m1p1 | Tổng | Do lượng | Do giá |
| A | 10.000 | 10.200 | 9.180 | -820 | +200 | -1.020 |
| B | 12.000 | 11.400 | 12.160 | 160 | -600 | 760 |
| Cộng | 22.000 | 21.600 | 21.340 | -660 | -400 | -260 |
| Phế liệu | 500 |  | 600 | 100 |  |  |
| **Tổng** | **21.500** |  | **20.740** | **-760** |  |  |

 Đối tượng phân tích:

= 21.500 – 20.740 = - 760

 Áp dụng phương pháp thay thế liên hoàn, chi phí vật liệu thực tế giảm so với kế hoạch là do:

 Ảnh hưởng của lượng vật liệu tiêu hao:

== 21.600 - 22.000 = -400

 Ảnh hưởng của đơn giá mua vật liệu:

== 21.340 - 21.600 = -260

 Ảnh hưởng của nhân tố phế liệu thu hồi

 =-(600 -500) = -100

 Tổng hợp ảnh hưởng của các nhân tố:



 **Đánh giá kết quả phân tích:** Chi phí vật liệu để sản xuất 1.000sp thực tế giảm so với kế hoạch là do các nhân tố:

 + Do lượng NVL thực tế giảm so với kế hoạch làm chi phí giảm 400. Xét cho từng loại vật liệu thì vật liệu A tiêu hao vượt định mức làm chi phí tăng 200, trong khi đó vật liệu B tiết kiệm so với định mức làm chi phí giảm 600. Nếu vật liệu A vẫn giữ nguyên như định mức đặt ra thì chi phí sẽ giảm thêm 200. Do vậy cần phải đi sâu tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến tình trạng sử dụng vượt mức loại vật liệu này.

 Bộ phận sản xuất chịu trách nhiệm giải trình những biến động liên quan đến hao phí vật liệu)

 + Do đơn giá mua vật liệu thay đổi làm chi phí giảm 260 xét cho từng loại vật liệu thì vật liệu A giảm làm chi phí giảm 1.020. Đây là yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến tình hình giảm phí vật liệu trong kỳ. Trong khi đó, đơn giá mua vật liệu B tăng so với dự kiến làm chi phí vật liệu trực tiếp tăng 760. Cần tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến sự biến động này(giá vật liệu B tăng có thể do mất cân đối cung cầu về vật liệu, do tổ chức công tác thu mua kém, do tăng chi phí vận chuyển)

 + Phế liệu thu hồi thực tế so với KH tăng làm cho chi phí NVLTT tính vào giá thành của 1.000sp giảm 100 phần tăng này góp phần gia tăng thu nhập của DN.

 **Đánh giá chung về kết quả phân tích**

**Thứ nhất:** Kết quả phân tích cho thấy trách nhiệm của từng bộ phận chức năng đối với biến động tổng thể về chi phí NVLTT ở DN, cụ thể:

 *Biến động do lượng NVL tiêu hao cho SX* liên quan đến trách nhiệm của bộ phận sản xuất. Đây là bộ phận trực tiếp sử dụng nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm. Bộ phận sản xuất phải giải trình nguyên nhân cho sự biến động này: đâu là nguyên nhân chủ quan, đâu là nguyên nhân khách quan để có quyết định quản lý kịp thời. Các nguyên nhân có thể là do trình độ, thái độ , trách nhiệm của công nhân sản xuất, do tổ chức quản lý sản xuất, do phương pháp công nghệ, do chất lượng vật liệu cung ứng, do điện mất đột ngột…

*Biến động do lượng nguyên vật liệu tiêu hao cho sản xuất:* liên quan đến trách nhiệm của từng bộ phận cung ứng. Các nguyên nhân có thể là do biến động giá NVL trên thị trường, khâu tổ chức thu mua kém dẫn đến tăng chi phí, cước vận chuyển gia tăng, hoặc thuế nhập khẩu các loại NVL thay đổi…

**Thứ hai:** Kết quả phân tích còn chỉ ra những lợi thế(hoặc bất lợi) về chi phí của DN, qua đó có những điều chỉnh thích hợp trong chiến lược kinh doanh của DN. Để phát hiện ra vấn đề này phải đánh giá vị trí của DN trong ngành và đối với các nhà cung cấp. Chẵng hạng, DN với lợi thế về qui mô SX lớn, lợi thế về nguồn nhân lực, có độc quyền về thu mua NVL hay phụ thuộc hoàn toàn vào nhà cung cấp; điều kiện giao thông vận tải với khả năng giảm thấp cước vận chuyển; khả năng hạng chế rủi ro đối với biến động của giá mua vật liệu …Nếu DN phát huy những lợi thế về chi phí sẽ tạo khả năng kiểm soát chi phí rất cao và tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

**Thứ ba:** kết quả phân tích còn trợ giúp cho xây dựng hệ thống định mức”động” của DN. Điều quan trọng đối với biến động của những nhân tố thuộc khả năng kiểm soát của DN. Một định mức “động” sẽ tạo ra quá trình phấn đấu liên tục của người lao động để không ngừng cắt giảm chi phí.

Thông qua công tác phân tích, các nhà phân tích các nhà quản trị sẽ thấy được ảnh hưởng của từng nhân tố đến chi phí NVLTT,cho phép các nhà doanh nghiệp nhìn nhận đúng đắn về khả năng, sức mạnh cũng như những hạn chế trong doanh nghiệp của mình. Chính trên cơ sỏ này các doanh nghiệp sẽ xác định đúng đắn mục tiêu cùng các chiến lược kinh doanh có hiệu quả những nhân tố nào ảnh hưởng xấu, những nhân tố nào ảnh hưởng tích cực, qua đó đưa ra các giải pháp giúp doanh nghiệp hạ thấp giá thành sản phẩm, điều chỉnh quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngày một hoàn thiện hơn

**Tài liệu tham khảo**

1. <http://apt.edu.vn/apt-tin-tuc/quan-tri-chi-phi-trong-doanh-nghiep/>
2. <https://voer.edu.vn/m/gia-thanh-san-pham/a8369058>
3. Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương (2018), *Phân tích hoạt động kinh doanh,*Nxb Thống kê.